

# CÁC KHUYẾN NGHỊ GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU CỦA DOANH NGHIỆP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

*ThS. Hà Huy Huyền<sup>1</sup>*

## TÓM TẮT

*Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của WTO và kết thúc đàm phán TPP. Vì vậy đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Việt Nam nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng là chìa khóa để phát triển kinh tế. Đây là một nhiệm vụ rất lớn cho việc đào tạo nguồn nhân lực tại Đại học Đồng Nai. Các vấn đề về nguồn nhân lực chất lượng cao trong giai đoạn hiện nay đã trở thành yếu tố quan trọng trong việc thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.*

*Mục tiêu của bài báo này là không chỉ hệ thống hóa các tài liệu, lý thuyết có liên quan mà còn để tìm thấy điểm chung về chất lượng đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp. Kết quả của một cuộc khảo sát 550 doanh nghiệp, những doanh nghiệp được phỏng vấn và trả lời 25 câu hỏi. Trong bài báo này, tác giả đã sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu của doanh nghiệp, các yếu tố đó là những thành phần của chất lượng đào tạo với nhu cầu doanh nghiệp tại tỉnh Đồng Nai. Bài viết này được tiến hành trong thời gian từ tháng 7 năm 2013 đến tháng 5 năm 2015.*

*Tác giả đã phân tích hệ số KMO, kết quả phân tích KMO để sử dụng phân tích hồi quy tuyến tính đa biến. Kết quả khảo sát từ doanh nghiệp được đo lường thông qua một bảng câu hỏi với thang đo Likert 5 mức điểm. Bảng khảo sát đưa tới từng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra, kết quả của nhu cầu của doanh nghiệp cho thấy có bốn yếu tố: kỹ năng mềm; kiến thức chuyên môn; kỹ năng công nghệ thông tin và kỹ năng tiếng Anh thực sự bị ảnh hưởng đến nhu cầu của doanh nghiệp với mức ý nghĩa 5%. Các kết quả nghiên cứu đã được xử lý từ phần mềm SPSS 20,0.*

**Từ khóa:** *Nhu cầu doanh nghiệp, kỹ năng mềm, chất lượng đào tạo và nguồn nhân lực*

### 1. Giới thiệu

Trong những năm gần đây, chính phủ Việt Nam đã có nhiều chính sách và biện pháp để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội. Ngoài ra, các yếu tố của khoa học và phát triển công nghệ cũng như quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế

quốc tế của mỗi nước được đẩy mạnh và rộng khắp hơn. Vì lý do này, việc nghiên cứu về chất lượng giáo dục và chất lượng đào tạo là một vấn đề rất quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và kinh tế tỉnh Đồng Nai.

Bên cạnh đó, sự tăng trưởng kinh tế Việt Nam vẫn đang ở mức phát triển

<sup>1</sup>Trường Đại học Đồng Nai

thấp, nguồn nhân lực chất lượng còn hạn chế. Do đó, vai trò của trường Đại học Đồng Nai góp phần nâng cao chất lượng đào tạo để thúc đẩy sự phát triển kinh tế là đặc biệt quan trọng. Cũng vì lý do này mà chúng ta có thể nói rằng chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phải được đặt ở vị trí hàng đầu. Tuy nhiên có rất nhiều quan điểm, nhiều cách hiểu khác nhau về chất lượng đào tạo nhưng theo các tác giả, các định nghĩa rộng rãi và thống nhất chung một quan điểm như sau: Chất lượng giáo dục là nhu cầu hay yêu cầu sự hài lòng của người sử dụng với mục đích khác nhau.

Trong đào tạo đại học, chất lượng đào tạo có nghĩa là sinh viên tốt nghiệp không chỉ đáp ứng nhu cầu của những kiến thức, kỹ năng và phương pháp làm việc mà còn áp dụng cho các công việc phù hợp, năng động và sáng tạo trong lĩnh vực chuyên môn họ đảm trách. Kết hợp với yêu cầu thực tiễn của công việc giảng dạy, tác giả đã mạnh dạn chọn đề tài: **“Các khuyến nghị góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp tại trường Đại học Đồng Nai”** nhằm góp phần cải thiện chất lượng đào tạo nói chung và chất lượng nguồn nhân lực nói riêng tại tỉnh Đồng Nai.

## 2. Các lý thuyết liên quan

Firdaus (2005) trong bài báo của mình “Sự phát triển của giáo dục đại học (HEdPERF): một công cụ đo lường mới về chất lượng dịch vụ cho ngành

giáo dục đại học”, được tìm thấy HEdPERF để xác định các yếu tố quyết định đến chất lượng dịch vụ trong các cơ sở giáo dục đại học. Ông đã điều tra, khảo sát trên một trường đại học tư nhân, hai trường đại học công và ba đại học tư ở Malaysia. Ông đã tìm thấy năm yếu tố phi học thuật, học thuật, danh tiếng, quyền truy cập và các vấn đề chương trình là yếu tố quyết định đến chất lượng dịch vụ trong giáo dục đại học.

Afjal và cộng sự (2009) trong bài viết “Trên quan điểm sinh viên về chất lượng trong giáo dục đại học” đề xuất tám giải pháp của chất lượng trong giáo dục đại học. Các cuộc khảo sát đã được thực hiện giữa các sinh viên của Pakistan về quan điểm của họ về giáo dục đại học. Các sinh viên được hỏi là những người đã theo học chương trình đại học (MS, MPhil, Ph.D). Nhờ vào công nghệ thông tin, các liên kết của cuộc khảo sát trực tuyến được gửi tới nhóm sinh viên cần điều tra thông qua mail và kết quả thu về 300 người trả lời. Kết quả cho thấy có tám yếu tố tác động đến chất lượng mà họ đề xuất là: thiết kế chương trình học tập, cung cấp dịch vụ và đánh giá học tập, phương tiện học tập, cơ sở vật chất học thuật, công nhận, hướng dẫn, đại diện sinh viên, cơ hội học tập cao hơn. Theo khảo sát, họ đã tìm thấy thiết kế chương trình, cung cấp dịch vụ và đánh giá học tập, phương tiện học tập, công nhận bằng cấp là khía

ạnh quan trọng nhất từ quan điểm của sinh viên.

Qi Huang (2009) đã tiến hành một nghiên cứu về “Mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của sinh viên trong lĩnh vực giáo dục đại học: một nghiên cứu trường hợp trường đại học Xiamen ở Trung Quốc”. Các nghiên cứu đã cho thấy sự hài lòng của sinh viên đại học trong chất lượng dịch vụ của Đại học Xiamen, đó là trường đại học đầu tiên ở Trung Quốc được thành lập bởi một người Trung Quốc ở nước ngoài. Các biến chất lượng dịch vụ được sử dụng trong nghiên cứu này là sự kết hợp của các biến được phát triển bởi Firdaus (2005), Angell, Heffernen và Megicks (2008) và Navarro, Iglesias và Torres (2005). Các dữ liệu thu thập thông qua bảng câu hỏi. Thang đo ở 7 điểm “Likert Scale” được sử dụng để ghi lại các câu trả lời với 1 (không đồng ý) đến 7 (hoàn toàn đồng ý), ứng dụng chương trình phần mềm SPSS trong phân tích dữ liệu. Nghiên cứu này cho thấy rằng các sinh viên đại học của Đại học Xiamen tại Trung Quốc đã hài lòng với chất lượng dịch vụ được cung cấp bởi các trường đại học. Biến phụ thuộc chính là sự hài lòng của sinh viên và các biến độc lập là những khía cạnh học thuật tiếp theo khía cạnh phi học thuật, chi phí và tiếp cận, phương pháp giảng dạy, liên kết ngành công nghiệp, vấn đề chương trình và danh tiếng. Nghiên cứu này cũng cho thấy khía cạnh học tập là quan trọng

nhất cho sự hài lòng của sinh viên tại Đại học Xiamen của Trung Quốc. Theo kết quả phân tích này, nó cho thấy mối tương quan tích cực giữa chất lượng dịch vụ và sự hài lòng tổng thể của học sinh, phù hợp với những phát hiện của Anderson và Sullivan (1993), sự hài lòng đó là một chức năng của chất lượng dịch vụ. Các chất lượng dịch vụ tốt hơn, cao hơn sẽ dẫn đến sự hài lòng của sinh viên tốt hơn và cao hơn. Nghĩa là hai yếu tố này có mối tương quan đồng biến.

Firdaus (2005), nghiên cứu này dựa trên các nghiên cứu trước đây của Firdaus (2005), Afjal và cộng sự (2009) và Huang Qi (2009). Qi Huang (2009) đã tiến hành cuộc khảo sát sử dụng các mô hình phát triển bởi Firdaus (2005), Angell, Heffernen và Megicks (2008) và Navarro, Iglesias và Torres (2005). Nghiên cứu này cho thấy những khía cạnh học thuật, các khía cạnh phi học thuật, truy cập là quan trọng nhất cho sự hài lòng của sinh viên tại Đại học Xiamen của Trung Quốc. Ba biến mà mô hình HEDPERF và phát triển bởi Firdaus (2005), mô hình HEDPERF thông qua để tiến hành nghiên cứu này. Các biến thêm vào được lấy từ các nghiên cứu được tiến hành bởi Afjal và cộng sự (2009). Trong bài báo của họ, họ đã tìm thấy thiết kế chương trình, cung cấp dịch vụ và đánh giá học tập, yếu tố học tập và công nhận bằng là yếu tố quan trọng. Tuy nhiên thiết kế, cung cấp, đánh giá và quy mô mẫu thông qua

và các biến khác như yếu tố học chông chéo với các khía cạnh học thuật và công nhận với danh tiếng của mô hình HEdPERF. Khi nghiên cứu về sự hài lòng của học sinh tốt nghiệp, quy mô mẫu cũng được cho là sự hài lòng của nhân tố ảnh hưởng quan trọng.

Sheng Zhang (2013), “Điều tra và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo sau đại học”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ Giáo dục*. Nghiên cứu này cho thấy sự phát triển nhanh chóng của nền giáo dục sau đại học là quan trọng để nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của nước ta và chất lượng của các nền văn hóa của cả dân tộc và thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế, văn hóa và xã hội của nước ta. Đồng thời nó đáp ứng các nhu rộng rãi của người dân được giáo dục cao hơn. Tuy nhiên nó tập trung vào tốc độ phát triển, giáo dục đại học mà bỏ qua một vấn đề cơ bản đó là năng lực sáng tạo của đại học. Hiện nay, các hiện tượng sau đại học đôi khi là thiếu khả năng sáng tạo, thể hiện ở một số khía cạnh với mức độ khác nhau như sự tham gia thấp trong nghiên cứu khoa học và thiếu thực tế, số lượng nhỏ các bảng xếp hạng trong học tập quốc tế thì chất lượng đào tạo thấp. Để đảo ngược tình hình không thuận lợi này, cần thiết làm rõ lý do ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo sau đại học. Do đó chúng tôi xem xét các thông tin có liên quan trong và ngoài nước và chúng tôi thiết kế các câu hỏi để thực hiện việc điều tra, thống kê và phân tích, trong đó

xác định các yếu tố gây cản trở chất lượng đào tạo sau đại học và cung cấp cơ sở thực tiễn và định hướng cho tương lai cải thiện công tác đào tạo sau đại học.

Chất lượng đào tạo là vấn đề cốt lõi của giáo dục sau đại học và là tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục đại học. Thông qua câu hỏi khảo sát, nghiên cứu này được thực hiện bằng phương pháp thống kê và phân tích về các yếu tố ảnh hưởng chất lượng đào tạo sau đại học. Chúng tôi thấy rằng việc thực hành nghiên cứu, yếu tố giảng viên, môi trường học tập, nghiên cứu khoa học và cơ chế khuyến khích là những yếu tố chính ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo học viên cao học. Những yếu tố này phản ánh sự tương quan trong quá trình đào tạo sau đại học. Đây là cơ sở dữ liệu khá quan trọng và là tài liệu tham khảo cho các cải tiến trong tương lai của công tác đào tạo sau đại học.

Mulu Nega Kahsay (2012), *Chất lượng và đảm bảo chất lượng trong giáo dục đại học tại Ethiopia: các vấn đề quan trọng và ý nghĩa thiết thực* (Luận án tiến sĩ), Đại học Twente, trong Tigray, Ethiopia. Nghiên cứu này xem xét việc chất lượng và đảm bảo chất lượng trong bối cảnh giáo dục đại học Ethiopia và tìm hiểu các yếu tố môi trường (bên trong và bên ngoài) một trong hai điều kiện thuận lợi hoặc cản trở việc thực hiện đảm bảo chất lượng để cải thiện việc học của sinh viên. Các kết quả thu được trong nghiên cứu này đã chứng minh rằng chất lượng

giáo dục, đặc biệt là sinh viên học tập bị đe dọa bởi các vấn đề về chất lượng đầu vào của sinh viên, quá trình và kết quả đầu ra trong ba trường đại học. Đối với chất lượng đầu vào, nhiều sinh viên tham gia các trường đại học mà không chuẩn bị đầy đủ kiến thức cơ bản và yêu cầu nền tảng cho học thuật. Ngoài ra, thiếu cán bộ có trình độ và năng lực giảng dạy và việc sử dụng không đúng các nguồn lực vật chất và tài chính để hỗ trợ học tập cho sinh viên dẫn đến chất lượng là những thách thức lớn trên khắp các trường đại học. Vấn đề nghiêm trọng hơn ở các trường đại học mới thành lập, nơi nhiều nhân viên mới làm quen việc giảng dạy các khóa học mà họ không đủ trình độ và chương trình mới mở mà không đảm bảo các nguồn lực vật chất và con người tối thiểu. Các trường đại học không có quyền tự chủ quyết định về quy mô và số lượng của sinh viên, ngoài ra việc tuyển dụng nhân viên của các trường đại học theo kế hoạch đề ra và tiêu chí của Chính phủ. Chính như vậy, điều này rõ ràng sẽ gây cản trở và khó khăn cho chất lượng giáo dục ở các trường đại học.

Chất lượng của quá trình giáo dục cũng bị hạn chế bởi các vấn đề liên quan đến việc thiếu cán bộ và sự tham gia của sinh viên; không phù hợp của các nguồn tài nguyên có sẵn với số lượng sinh viên ngày càng tăng; thiếu sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Nghiên cứu cũng cho thấy không có cơ chế khen thưởng, và thiết kế chương trình giảng dạy và đánh giá quá trình

cũng được lên kế hoạch và mạch lạc. Chúng có tác động xấu đến chất lượng giáo dục, đặc biệt là trong các ngành khoa học tự nhiên và lĩnh vực chuyên môn. Chất lượng đầu ra (tốt nghiệp) cũng thiếu nhiều kỹ năng cần thiết, điều này được đo bằng tỷ lệ không hoàn thành khóa học. Trình độ của sinh viên khi nhập học được xác định là yếu tố khá quan trọng của tỷ lệ không hoàn thành trong các trường đại học. Phát hiện này cũng phù hợp với nghiên cứu trước đây đã chứng minh một mối quan hệ tích cực giữa chuẩn bị dự bị đại học của học sinh và kết quả đầu ra của họ trong các trường đại học. Nghĩa là đầu vào có kiến thức tốt thì chất lượng đầu ra cũng được cải thiện.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

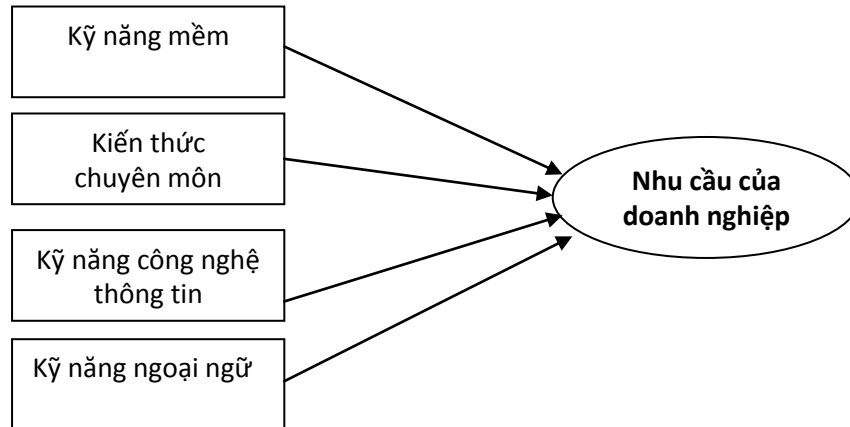
Nghiên cứu này được sử dụng cả phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo tại trường Đại học Đồng Nai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Các kết quả thu được từ nghiên cứu định lượng được xử lý bởi phiên bản phần mềm thống kê SPSS 20,0. Phương pháp nghiên cứu định lượng được mô tả và đo lường mức độ của các yếu tố dựa trên số liệu và tính toán.

Nghiên cứu định lượng là tập hợp các dữ liệu đã được thu thập và trình bày các đặc điểm về mối quan hệ giữa lý thuyết và nghiên cứu như phương pháp suy luận. Phương pháp này thường sử dụng cho cách tiếp cận khoa học tự nhiên, xã hội. Do đó hình thức cụ thể

của nghiên cứu sử dụng dữ liệu định lượng kết hợp định tính để phân tích.

Các phương pháp nghiên cứu phổ biến nhất từ thể loại này là câu hỏi, kiểm nghiệm, tương quan và phân tích hồi quy tuyến tính đa biến. Các phương pháp này bao gồm: (1) kỹ thuật nghiên

cứ được sử dụng để thu thập dữ liệu định lượng trên mẫu lớn ngẫu nhiên, và (2) các công cụ thống kê như SPSS 20,0 và kỹ thuật phân tích dữ liệu, bao gồm các kỹ thuật điều tra, quan sát và thí nghiệm nếu có. Kết quả điều tra 550 doanh nghiệp. Sau đây là mô hình.



**Hình 1:** Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu của doanh nghiệp

### Giả thiết

- H<sub>1</sub>** Có một mối quan hệ tích cực giữa kỹ năng mềm và nhu cầu doanh nghiệp thông qua chất lượng đào tạo.
- H<sub>2</sub>** Có một mối quan hệ tích cực giữa kiến thức chuyên môn và nhu cầu doanh nghiệp thông qua chất lượng đào tạo.
- H<sub>3</sub>** Có một mối quan hệ tích cực giữa kỹ năng công nghệ thông tin và nhu cầu doanh nghiệp thông qua chất lượng đào tạo.
- H<sub>4</sub>** Có một mối quan hệ tích cực giữa kỹ năng ngoại ngữ và nhu cầu doanh nghiệp thông qua chất lượng đào tạo.

### Mô tả nội dung

Nghiên cứu này được tiến hành tại tỉnh Đồng Nai. Đối tượng khảo sát là các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Thời gian là từ tháng 7/2013 đến 5/2015.

Quá trình nghiên cứu bao gồm hai bước chính: đầu tiên, nghiên cứu sơ bộ, thứ hai là nghiên cứu chính thức. Các

nghiên cứu đã sử dụng phương pháp định tính thông qua các cuộc phỏng vấn sâu với 30 doanh nghiệp để kiểm tra nội dung và ý nghĩa của các câu hỏi được sử dụng trong bảng khảo sát. Nghiên cứu chính thức sử dụng các phương pháp định lượng thông qua khảo sát gần

550 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Sau khi dữ liệu được thu thập, quy mô đáng tin cậy sẽ được kiểm định với chỉ số Cronbach's Alpha và EFA (Phân tích nhân tố khám phá). Dựa trên kết

quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến, tác giả đưa ra các khuyến nghị để giúp cải thiện chất lượng đào tạo để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và sự phát triển của trường Đại học Đồng Nai trong tương lai.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

**Bảng 1:** Đo lường độ tin cậy các thành phần thang đo nhu cầu của doanh nghiệp

Ký hiệu	Câu hỏi	
	<b>Kỹ năng mềm (SS)</b>	<b>Cronbach's Alpha</b>
SS1	Bạn hoàn toàn hài lòng về kỹ năng quản lý thời gian của sinh viên	0,931
SS2	Bạn hoàn toàn hài lòng về giải quyết vấn đề của sinh viên	
SS3	Bạn hoàn toàn hài lòng về nhân cách của học sinh	
SS4	Bạn hoàn toàn hài lòng về kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên	
SS5	Bạn hoàn toàn hài lòng về kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành của sinh viên	
SS6	Bạn hoàn toàn hài lòng về kỹ năng hoạch định các kế hoạch chiến lược của sinh viên	
SS7	Bạn hoàn toàn hài lòng về kỹ năng thương lượng của sinh viên	
	<b>Kiến thức chuyên môn (TK)</b>	<b>Cronbach's Alpha</b>
TK1	Bạn hoàn toàn hài lòng về kiến thức xã hội của sinh viên	0,920
TK2	Bạn hoàn toàn hài lòng về kiến thức kinh tế của sinh viên	
TK3	Bạn hoàn toàn hài lòng về kiến thức thực tế của sinh viên	
TK4	Bạn hoàn toàn hài lòng về những kiến thức được đào tạo chuyên ngành của sinh viên	
	<b>Kỹ năng công nghệ thông tin (IS)</b>	<b>Cronbach's Alpha</b>
IS1	Bạn hoàn toàn hài lòng về các kỹ năng sử dụng Internet của sinh viên	0,979
IS2	Bạn hoàn toàn hài lòng về kỹ năng xử lý thông tin của sinh viên	
IS3	Bạn hoàn toàn hài lòng về kỹ năng thuyết trình PowerPoint của sinh viên	
IS4	Bạn hoàn toàn hài lòng về các kỹ năng sử dụng phần mềm office văn phòng	
IS5	Bạn hoàn toàn hài lòng về các kỹ năng Excel của sinh viên	
	<b>Kỹ năng ngoại ngữ (ES)</b>	<b>Cronbach's Alpha</b>
ES1	Bạn hoàn toàn hài lòng về kỹ năng thuyết trình tiếng Anh của sinh viên	0,966
ES2	Bạn hoàn toàn hài lòng về kỹ năng dịch tiếng Anh của sinh viên	

ES3	Bạn hoàn toàn hài lòng về kỹ năng viết tiếng Anh của sinh viên	
ES4	Bạn hoàn toàn hài lòng về các kỹ năng đọc tiếng Anh của sinh viên	
ES5	Bạn hoàn toàn hài lòng về các kỹ năng nghe tiếng Anh của sinh viên	
ES6	Bạn hoàn toàn hài lòng về kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên	
	<b>Đánh giá chung (GA)</b>	<b>Cronbach's Alpha</b>
GA1	Bạn hoàn toàn hài lòng với kỹ năng mềm của sinh viên	
GA2	Bạn hoàn toàn hài lòng về những kiến thức được đào tạo chuyên ngành của sinh viên	
GA3	Bạn hoàn toàn hài lòng về thái độ làm việc của sinh viên	

(Nguồn: Tác giả thu thập và xử lý từ SPSS)

Bảng 1 cho thấy có 550 doanh nghiệp được phỏng vấn ở tỉnh Đồng Nai và tổng cộng có 25 biến khảo sát. Tất cả các biến có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6. Nghĩa là dữ liệu đủ độ tin cậy cho việc phân tích nhân tố khám phá.

#### **Phân tích nhân tố khám phá (EFA)**

EFA là kỹ thuật phân tích rút gọn một tập hợp nhiều biến quan sát thành một số nhân tố ít hơn nhưng vẫn chứa đựng hầu hết nội dung thông tin và ý nghĩa thống kê của tập biến ban đầu.

**Bảng 2: Kiểm định KMO and Bartlett's Test cho các thành phần của nhu cầu doanh nghiệp**

Hệ số: Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		,877
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	20629,781
	df	231
	Sig.	,000

(Nguồn: Tác giả thu thập và xử lý từ SPSS)

Kết quả từ bảng 2 cho thấy hệ số KMO = 0,877 lớn hơn 0,5 tức là sử dụng phương pháp phân tích nhân tố để nhóm các biến lại là thích hợp. Với

Mô hình phân tích nhân tố khám phá (EFA) được cho là phù hợp khi các tiêu chuẩn sau đây được thỏa điều kiện:

- Hệ số tải nhân tố (Factor Loadings): là hệ số tương quan đơn giữa các biến và các nhân tố. Hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,3 được cho là phù hợp.

- Tính thích hợp của EFA (Kaiser – Meyer – Oklin): là chỉ số dùng xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố nếu  $0,5 \leq KMO \leq 1$ . Sau đây là kết quả xử lý từ SPSS 20,0.

giá trị sig. = 0,000 nhỏ hơn 0,05 cũng cho thấy các biến trong tổng thể có tương quan với nhau.



**Bảng 3:** Kết quả phân tích nhân tố khám phá nhóm nhân tố độc lập

Các biến	Chỉ tiêu: Initial Eigenvalues			Tổng phương sai trích		
	Tổng	% Phương sai	% tích lũy	Tổng	% Phương sai	% tích lũy
1	9,374	42,610	42,610	9,374	42,610	42,610
2	4,571	20,775	63,385	4,571	20,775	63,385
3	2,777	12,622	76,007	2,777	12,622	76,007
4	1,482	6,735	82,742	1,482	6,735	82,742
5	,977	4,440	87,182			
6	,516	2,346	89,528			
7	,499	2,268	91,796			
8	,397	1,806	93,602			
9	,258	1,173	94,775			
10	,209	,951	95,726			
...	...	...	...			
21	,008	,038	99,989			
22	,003	,011	100,000			

(Nguồn: Tác giả thu thập và xử lý từ SPSS)

Bảng 3 cho thấy tiêu chuẩn Eigenvalue lớn hơn 1 thì có 4 nhóm nhân tố mới được rút ra từ 22 biến đưa vào phân tích và 4 nhân tố được rút ra giải thích được 82,742 % biến thiên của các biến quan sát.

Ngoài ra, bảng 3 cho thấy kết quả các nhân tố đã xoay. Từ bảng này chúng ta chỉ lấy những biến có hệ số tải lớn hơn 0,5 để đảm bảo ý nghĩa thiết thực của phân tích nhân tố khám phá (EFA).

**Bảng 4:** Kết quả ma trận nhân tố xoay các biến độc lập

KÍ HIỆU	Nhóm nhân tố			
	1	2	3	4
ES4	,976			
ES5	,975			
ES6	,971			
ES2	,963			
ES1	,957			
ES3	,686			
SS7		,971		
SS6		,968		
SS5		,935		
SS1		,839		
SS2		,799		
SS3		,658		
SS4		,612		
IS2			,986	
IS4			,974	
IS5			,968	
IS1			,946	
IS3			,926	
TK1				,995
TK2				,972
TK3				,830
TK4				,799

(Nguồn: Tác giả thu thập và xử lý từ SPSS)

**Bảng 5:** Bảng phân tích kết quả mô hình hồi quy tuyến tính bội

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R Square	Hệ số R Square hiệu chỉnh	Hệ số Durbin-Watson	Mô hình
1	,647	,418	,414	,76540591	1,458

a. Predictors: (Constant), X4, X3, X2, X1

b. Dependent Variable: Y: nhu cầu của doanh nghiệp

Bảng 4 cho thấy có 4 nhóm nhân tố được rút ra từ ma trận nhân tố xoay các biến độc lập như sau:

**Nhân tố 1:** kỹ năng ngoại ngữ (X1).

**Nhân tố 2:** kỹ năng mềm (X2).

**Nhân tố 3:** kỹ năng công nghệ thông tin (X3).

**Nhân tố 4:** kiến thức chuyên môn (X4).

Thang đo được đánh giá độ tin cậy thông qua hệ số tin cậy Cronbach's Alpha. Các kỹ thuật phân tích được thực hiện bằng các công cụ phân tích thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory factor analysis), phân tích hồi quy tuyến tính đa biến (Regression analysis). Sau khi phân tích nhân tố khám phá EFA, các nhân tố được rút gọn từ nhiều biến quan sát được thu thập, từ đó những giả thuyết nghiên cứu được điều chỉnh theo những nhân tố mới được rút ra. Phân tích hồi quy được thực hiện nhằm xác định mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu doanh nghiệp và cuối cùng đề xuất các khuyến nghị.

Mô hình	Tổng bình phương	Bậc tự do	Trung bình bình phương	F	Sig.
1 Hồi quy	229,714	4	57,428	98,027	,000
Phần dư	319,286	545	,586		
Tổng	549,000	549			

a. Predictors: (Constant), X4, X3, X2, X1

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Dung sai	VIF
(Con.)	2,260E-017	,033		,000	1,000		
X1	,142	,040	,142	3,509	,000	,651	1,536
X2	,408	,041	,408	10,032	,000	,645	1,549
X3	,308	,033	,308	9,318	,000	,979	1,022
X4	,166	,044	,166	3,774	,000	,554	1,805

a. Dependent Variable: Y

(Nguồn: Tác giả thu thập và xử lý từ SPSS)

Bảng 5 cho thấy hệ số xác định hiệu chỉnh có ý nghĩa thống kê và phản ánh dữ liệu có độ tin cậy cao. Ngoài ra, hệ số xác định hiệu chỉnh đạt 0,414. Nghĩa là 4 yếu tố tác động đến nhu cầu của doanh nghiệp tới 41,4 %. Tất cả các giá trị  $t > 2$ , và mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,05 có ý nghĩa thống kê.

Các hệ số hồi quy dương. Điều này có nghĩa rằng các tác động của biến độc lập cùng một hướng với nhu cầu của doanh nghiệp. Nhìn chung, kết quả mô hình là phù hợp với thực tiễn tỉnh Đồng Nai và ý nghĩa thống kê. Nghĩa là chúng ta tác động vào 4 nhóm độc lập thì sẽ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

Với kết quả hồi quy cho thấy chỉ số Durbin - Watson stat = 1,458 cho biết không có hiện tượng tự tương quan. Theo nguyên tắc kinh nghiệm thì chỉ tiêu Durbin -Waston stat có giá trị trong khoảng từ 1 đến 3 là không có hiện tượng tự tương quan. Kết xuất từ phần mềm SPSS cho kết quả sai số ước lượng theo phân phối chuẩn vì độ lệch chuẩn (standard deviation) gần bằng 1.

Hệ số  $10 > VIF > 1$  cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến trong phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính đa biến.

## 5. Kết luận và các khuyến nghị

### 5.1. Kết luận

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến về các yếu tố tác động đến nhu cầu của doanh nghiệp cho thấy có bốn yếu tố, trong đó bao gồm các yếu tố chính như sau: kỹ năng mềm; kiến thức chuyên môn; kỹ năng công nghệ thông tin và kỹ năng ngôn ngữ (tiếng Anh) thực sự bị ảnh hưởng nhu cầu của doanh nghiệp với mức ý nghĩa 5%. Các kết quả nghiên cứu đã được xử lý từ phần mềm SPSS 20,0. Các tham số của mô hình ước lượng bởi phương pháp ước lượng bình phương bé nhất. Đồng thời kết quả cũng là một bằng chứng khoa học và thông tin quan trọng đối với các nhà nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách áp dụng cho tổ chức.

### **5.2. Các khuyến nghị**

- **Kỹ năng ngôn ngữ**, đặc biệt là tiếng Anh cho nhu cầu của doanh nghiệp. Thế giới luôn thay đổi từng ngày, toàn cầu hóa và hợp tác cùng nhau phát triển là xu thế tất yếu. Tiếng Anh trong thế kỷ này vẫn được xem là một ngôn ngữ quốc tế, là phương tiện giao tiếp quốc tế. Đất nước ta đang trên đà phát triển, vì vậy tiếng Anh là công cụ hỗ trợ đắc lực cho chúng ta hội nhập, hợp tác, đặc biệt khi Việt Nam đã gia nhập WTO thì tiếng Anh càng trở nên cần thiết.

Đại học Đồng Nai cần tiếp tục cải thiện đào tạo kỹ năng tiếng Anh cho sinh viên để giúp họ đảm bảo sau khi tốt nghiệp có việc làm tốt và dễ dàng tìm kiếm công việc hơn trong môi trường cạnh tranh toàn cầu. Bên cạnh

đó, sinh viên nên học tiếng Anh nhiều hơn và nhiều hơn nữa, đặc biệt chú trọng vào hai kỹ năng nghe và nói.

Đại học Đồng Nai cần tiếp tục quan tâm hơn nữa đến trang thiết bị dạy và học đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Thực hiện quy mô lớp nhỏ (30 - 35 sinh viên/lớp) để sinh viên có nhiều cơ hội thực hành giao tiếp tiếng Anh. Tổ chức các buổi giao lưu với đại diện các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài để sinh viên có cơ hội tìm hiểu yêu cầu của nhà tuyển dụng từ đó giúp sinh viên định hướng được việc học của mình.

### **- Kỹ năng công nghệ thông tin**

Đại học Đồng Nai cần tiếp tục đào tạo sinh viên các kỹ năng máy tính như: Chương trình đào tạo cần được thiết kế hợp lý hơn, nên đưa môn học tin học vào học kỳ 1 năm thứ nhất để sinh viên có đủ thời gian làm quen và tích lũy kinh nghiệm tin học như Word, Excel và PowerPoint. Cần bổ sung một số môn học như SPSS, lập trình web, lập trình ứng dụng quản lý, là những môn mà sinh viên ham thích sử dụng sau này khi làm việc. Ngoài ra, cần đẩy mạnh các hoạt động ngoại khóa liên quan đến tin học như tổ chức thi Olympic Tin học, thi thiết kế trưng bày các phần mềm mà sinh viên thực hiện được. Xây dựng Câu lạc bộ Tin học với các nhóm lập trình, lấy sinh viên khá giỏi làm nòng cốt với sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên cần được hướng dẫn để hiểu được tầm quan trọng của kỹ năng

tin học. Sinh viên phải nỗ lực làm bài tập ở nhà, ngoài bài tập giảng viên cho trên lớp, cần thực hành các bài tập trong các tài liệu tham khảo khác để tích lũy kiến thức đồng thời tạo niềm say mê trong học tập.

### **- Kỹ năng mềm**

Đại học Đồng Nai cần tiếp tục đào tạo các kỹ năng mềm cho sinh viên. Kỹ năng mềm là những kỹ năng tinh tế quan trọng, có thể dễ dàng phân biệt. Đơn giản đó chỉ cần là cách mà bạn giao tiếp, cách mà bạn lắng nghe, cách bạn di chuyển xung quanh và thể hiện bản thân. Vì thế bằng cách phát triển các kỹ năng mềm, bạn có thể tạo nên sự khác biệt hơn so với các sinh viên khác. Một số lời khuyên sau đây giúp sinh viên phát triển các kỹ năng mềm khi còn ở giảng đường như: kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng quản lý thời gian; kỹ năng ra quyết định; kỹ năng lập kế hoạch chiến lược; kỹ năng trình bày; kỹ năng thương lượng; kỹ năng giải quyết vấn đề,... Ngoài ra, sinh viên cần nâng cao kiến thức xã hội cho bản thân, có thể từ việc đọc báo, tạp chí, theo dõi tin tức thời sự hay các chủ đề khác. Chia khóa dẫn bạn trẻ tới thành công là cần có kiến thức sâu rộng và có thể trình bày nó một cách hấp dẫn. Bằng cách phát triển kỹ năng mềm, bạn có lợi thế hơn những người khác. Những kỹ năng ấy còn giúp bạn đạt đến đỉnh cao và phát huy khả năng của bản thân.

### **- Đào tạo kiến thức chuyên môn**

Đại học Đồng Nai cần tiếp tục cải thiện chương trình đào tạo của trường hướng về thực hành hơn là lý thuyết để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp; nâng cao nhận thức của giảng viên về vị trí vai trò, đạo đức của người giảng viên, trong tiến trình thực hiện nhiệm vụ đào tạo, thông qua cung cấp và yêu cầu giảng viên thường xuyên cập nhật chính sách trong quản lý đào tạo để từng bước thay đổi nhận thức và hành động.

Trường cũng cần đưa kế hoạch dự giờ là việc làm thường xuyên của bộ môn, khoa và nhà trường để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy. Đối với giảng viên giảng dạy không đáp ứng yêu cầu cần bố trí công việc phù hợp hơn. Đối mới phương pháp giảng dạy đang được thực hiện nhưng chưa thường xuyên ở các khoa, bộ môn. Một số giảng viên còn thiên về lý luận, thiếu thực tiễn, chưa tìm ra và áp dụng những phương pháp giúp sinh viên chủ động hơn trong tiếp thu kiến thức. Khả năng phân tích, luận giải các vấn đề của giảng viên có lúc chưa sâu, nặng về trình bày theo giáo trình; thiếu ví dụ thực tiễn. Những điều đó đã làm cho sinh viên thiếu sự hăng say trong học tập, ít quan tâm đến môn học, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng và kết quả giảng dạy. Trường cần thường xuyên đánh giá giảng viên từ người học và có hình thức xử lý kịp thời với những giảng viên vi phạm, tâm đức trách nhiệm của người thầy.

Trường cần căn cứ vào nhu cầu thực tiễn định kỳ đánh giá chương trình đào tạo để có những thiết kế bổ sung, sao cho chương trình đảm bảo tính hội nhập và tiên tiến hướng tới đào tạo những gì xã hội cần. Chương trình phải hướng đến đào tạo hợp lý 03 vấn đề (kiến thức, kỹ năng, thái độ, tùy theo từng ngành khác nhau và tỷ lệ, kiến

thức, kỹ năng khác nhau) và cần giải quyết đồng bộ các bước: (1) Thiết kế lại chương trình đào tạo theo định hướng hướng nghiệp; (2) Phát triển tài liệu giảng dạy; (3) Tổ chức đánh giá quá trình đào tạo, đảm bảo tính liên thông và mềm dẻo. Nhà trường cần có lộ trình và nguồn lực thỏa đáng để thực hiện cho được vấn đề này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Firdaus (2005), *Sự phát triển của giáo dục đại học (HEdPERF): một công cụ đo lường mới về chất lượng dịch vụ cho ngành giáo dục đại học*, (Doctoral dissertation), University of Wah, Pakistan
2. Afjal và cộng sự (2009), *Trên quan điểm sinh viên về chất lượng trong giáo dục đại học đề xuất tám giải pháp của chất lượng trong giáo dục đại học*, (Doctoral dissertation), York University
3. Qi Huang (2009), *Mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của sinh viên trong lĩnh vực giáo dục đại học: một nghiên cứu trường hợp trường đại học Xiamen ở Trung Quốc*, (Doctoral dissertation), Kangan Batman Institute of TAFE
4. Sheng Zhang (2013), “Điều tra và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo sau đại học”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ Giáo dục*
5. Firdaus (2005), “The SERPVAL scale: A multi-item instrument for measuring service personal values”, *Journal of Business Research*
6. Mah-E-Rukh Ahmed (2011), *Factors Affecting Initial Teacher Education in Pakistan: Historical Analysis of Policy Network* (Doctoral dissertation), University of Hull, United Kingdom
7. Muhammad Tayyab Alam (2010), *Factors Affecting Teachers Motivation* (Doctoral dissertation), Foundation University College of Liberal Arts & Sciences
8. Nsizwazikhona Chili (2012), *Tourism Education: Factors Affecting Effective Teaching and Learning of Tourism in Township Schools* (Doctoral dissertation), University of Kwa-Zulu Natal, South Africa
9. Nyeck, S., Morales, M., Ladhari, R., & Pons, F. (2002), *10 years of service quality measurement: reviewing the use of the SERVQUAL instrument*, Cuadernos de Diffusion, EBSCOhost database
10. Parasuraman, A.; Zeithaml, V. and Berry, L. (1991), *Refinement and reassessment of the SERVQUAL scale*, Journal of Retailing

11. Parasuraman, A.; Zeithaml, V. and Berry, L. (1994), "Reassessment of expectations as a comparison in measuring service quality: implications for future research", *Journal of Marketing*

12. Zeithaml, Parasuraman & Berry (1990), *Delivering Quality Service; Balancing Customer Perceptions and Expectations*, Free Press

## RECOMMENDATIONS FOR IMPROVING TRAINING QUALITY TO MEET ENTERPRISES' NEED AT DONG NAI UNIVERSITY

### ABSTRACT

*Vietnam officially became a member of the WTO and TPP. So training high-quality human resources for Vietnam is the key to economic development. This is a very big task for the education sector at Dong Nai University. The problem of high quality human resources in the current period has become key elements in the implementation of the industrialization and modernization of the country.*

*The objective of this paper is not only to look into the relevant literature but also to find common ground regarding the training quality to enterprises' need, and reports the results of a survey of 550 enterprises which were interviewed with 25 questions. In this paper, the researcher used method of exploratory factor analysis to determine the components of the training quality that affect enterprises' needs in Dong Nai province, Vietnam. This paper was conducted during the time from July 2013 to May, 2015.*

*The researcher had analyzed KMO test, the result of KMO analysis used for multiple regression analysis. Enterprises' responses were measured through an adapted questionnaire on a 5-point Likert scale. Hard copy and online questionnaire were distributed among Students of Dong Nai University. In addition, The regression analysis result of Enterprises' need showed that there were four factors: Soft skills; trained knowledge; Information Skills and English skills actually affected enterprises' need with 5% significance level. The research results were processed from SPSS 20,0 software. The parameters of the model estimated by Least - Squares Method tested for the model assumption with 5% significance level.*

**Keywords:** *Enterprises' need, soft skills, training quality and human resources*